

Hướng dẫn soạn Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2, hướng dẫn dịch và [giải bài tập SGK Tiếng Anh lớp 8](#) - Unit 11: Science and technology.

Giải bài tập Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2

Nội dung phần này các em sẽ được học và luyện tập ngữ pháp: thì tương lai; câu tường thuật.

Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2 - Grammar

1. Put the verbs in brackets into the correct tenses.

Dịch

Đưa những động từ trong ngoặc về đúng thì.

1. Khoảng năm 2030 tất cả học sinh (có) _____ máy tính riêng của chúng ở trường.
2. Tôi không thể đến bữa tiệc của bạn vào thứ Sáu tới bởi vì tôi (làm việc) _____ vào ngày đó.
3. Tôi biết cô ấy bệnh, nhưng cô ấy _____ trở lại trường vào ngày mai phải không?
4. Bạn (không vượt qua) _____ kỳ thi nếu bạn không bắt đầu học chăm chỉ hơn.
5. Dù bạn 9quyết định) _____ làm việc gì trong tương lai, thì tôi cũng (ủng hộ) _____ bạn.

Answer

1. will have
2. will be working
3. will she be
4. won't pass
5. decide; will support

2. Work in pairs. Read the following predictions about the year 2040 and say whether you think it will happen.

Dịch

Làm theo cặp. Đọc dự đoán sau về năm 2040 và nói xem bạn nghĩ nó có xảy ra không.

Ví dụ:

A: Email sẽ hoàn toàn thay thế cho thư gửi thông thường.

B: Tôi nghĩ điều đó chắc chắn/có thể sẽ xảy ra./Điều đó chắc chắn/có thể sẽ không xảy ra.

Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2

1. Tất cả chúng ta sẽ sử dụng xe hơi bay.
2. Hầu hết người ta sẽ sống đến 100 tuổi.
3. Người máy sẽ thay thế giáo viên.
4. Thế giới sẽ có một hệ thống tiền tệ.
5. Internet sẽ thay thế sách.

Answer

1. A: We will have flying cars in the future.
B: It certainly won't happen.
2. A: Most people will live to be a hundred years old.
B: I think it will certainly happen.
3. A: Robots will replace teachers.
B: It certainly won't happen.
4. A: The world will have one current system.
B: I think it will certainly happen.
5. A: The Internet will replace books.
B: It certain won't happen.

3. Look at the conversation in GETTING STARTED again. Find and underline the examples of reported speech.

Dịch

Nhìn vào bài hội thoại trong phần Mở đầu một lần nữa. Tìm và gạch dưới các ví dụ về câu tường thuật.

Answer

- Well, my dad told me that only robots would work in factories and clean our homes in the future.

Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2

- Our science teacher said that there would be no more schools: we'd just stay at home and learn on Internet.

4. Complete sentence b in each pair so that it means the same as sentence a, using reported speech.

Dịch

Hoàn thành câu b trong mỗi cặp câu để nó có nghĩa như câu a, sử dụng câu tường thuật.

1. a. Nick: "Tôi đến từ một thị trấn nhỏ ở Anh."

b. Nick nói rằng _____.

2. a. Bạn tôi: "Brazil sẽ vô địch World Cup"

b. Bạn tôi nói rằng _____.

3. a. Olive: "Châu, ngày mai em rời Việt Nam."

b. Olive nói rằng _____.

4. a. David: "Catherine, tôi không thể đọc được bài viết của bạn"

b. David nói với Catherine rằng _____.

5. a. Minh: "Sáng nay em ngủ quên"

b. Minh nói rằng _____.

Answer

1. b. → Nick said that he came from a small town in England.

2. b. → My friends said that Brazil would win the World Cup.

3. b. → Olive told Chau that she was leaving Vietnam the next day.

4. b. → David told Catherine that he was unable to read her writing.

5. b. → Minh said that he had overslept that morning.

5. Change the following sentences into reported speech, using the words given in brackets.

Dịch

Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2

Thay đổi những câu sau thành câu tường thuật, sử dụng những từ được cho trong ngoặc đơn.

Answer

1. → He said that he hadn't said anything at the meeting the week before.
2. → She told me that letter had been opened.
3. → Tom said that in 50 years' time we would probably be living on Mars.
4. → Mi said that she hoped they would build a city out at sea.
5. → Son told us that his wish was to become a young inventor.

6. Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2 - GAME: MY FRIEND SAID ...

Each of students stands up or come to the front of the class. One says a sentence about himself/herself. The other reports to the class.

Dịch

Mỗi học sinh đứng dậy hoặc đứng trước lớp. Một người nói một câu về chính cậu ấy/ cô ấy. Người khác tường thuật lại cho cả lớp.

Ví dụ:

Mình thích viết code.

→ Bạn ấy nói rằng bạn ấy thích viết code.

Answer

- I like singing English songs.

→ She said that she liked singing English songs.

- I hate learning Chemistry.

→ He said that he hated learning Chemistry.

- I want to be a singer in the future.

→ She said that she wanted to be a singer in the future.

Tiếng Anh 8 Unit 11 A Closer Look 2

Giải bài tập Tiếng Anh 8 mới Unit 11: Science and technology - A Closer Look 2 do Đọc tài liệu tổng hợp. Hi vọng sẽ giúp việc học Anh 8 của các em sẽ thú vị và dễ dàng hơn.

- Trọn bộ Tiếng anh 8 -